



# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00505455

Mã TTV: 4

Số CT: 58

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	374.487
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		374.487
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	37.449
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		411.936
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn trăm mười một nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 57		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 04 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 07669612

Mã TTV: 5058

Số CT: 79613

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN NOI BO		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 04 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 07671837

Mã TTV: 5058

Số CT: 94297

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	94.802
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		94.802
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	9.480
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		104.282
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm linh bốn nghìn hai trăm tám mươi hai đồng chẵn . /		
Ghi chú (Remarks): DAT 50% HD SO 19026030205/CP-SGTX-CTY TRIEN LAM CP VIET NAM		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 05 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **07804188**

Mã TTV: 5058

Số CT: 20448

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): DAT COC -YEU CAU DAT HANG SO 19-CTY APK VIET		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 05 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00523913

Mã TTV: 5087

Số CT: 49397

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	739.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		739.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	73.900
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		812.900
Số tiền bằng chữ (In words) Tám trăm mười hai nghìn chín trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202603055087029009.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 06 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **07915864**

Mã TTV: 5058

Số CT: 53541

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	60.407
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		60.407
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	6.041
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		66.448
Số tiền bằng chữ (In words) Sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 331-338-340 NGÀY 16.12-22.12-23.12.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 06 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 07939526

Mã TTV: 5058

Số CT: 59820

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 992 -CTY QUANG MINH		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 06 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 07956806

Mã TTV: 5058

Số CT: 61079

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 860 VA 979 -CTY QUANG MINH		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 07 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00192815

Mã TTV: 9915

Số CT: 49378

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	50.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		50.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	5.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		55.000
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 02/2026. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 07 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00529292

Mã TTV: 9915

Số CT: 6609

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	50.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		50.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	5.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		55.000
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 02/2026. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 09 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 08216796

Mã TTV: 5058

Số CT: 12752

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	66.345
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		66.345
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	6.634
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		72.979
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 341 NGÀY 23.12.2025 VÀ 343 NGÀY 25.12.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 09 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 08264441

Mã TTV: 5058

Số CT: 24007

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 184-CTY XOP VIET LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 09 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 08264197

Mã TTV: 5058

Số CT: 22774

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 218 -CTY COLD VIET NAM		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 09 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00589620

Mã TTV: 4

Số CT: 133

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	292.853
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		292.853
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	29.285
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		322.138
Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm hai mươi hai nghìn một trăm ba mươi tám đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 58		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 10 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 08374010

Mã TTV: 5058

Số CT: 59354

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): DAT COC-YEU CAU DAT HANG SO 23-CTY APK VIET		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 10 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 08376378

Mã TTV: 5058

Số CT: 57716

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 24-CTY MINH KHANG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 08555647

Mã TTV: 5058

Số CT: 92375

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 12 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 08687432

Mã TTV: 5058

Số CT: 13631

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	57.252
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		57.252
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	5.725
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		62.977
Số tiền bằng chữ (In words) Sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 347 NGÀY 27.12.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 13 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **08738903**

Mã TTV: 5058

Số CT: 56497

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	21.717
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		21.717
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.172
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		23.889
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 349 NGÀY 29.12.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 15 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00223381

Mã TTV: 5087

Số CT: 36401

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	149.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		149.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	14.900
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		163.900
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202603155087039070.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

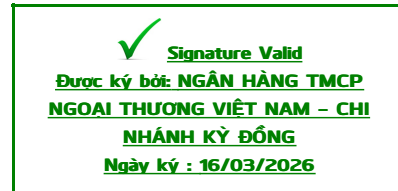
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09168554

Mã TTV: 5058

Số CT: 26888

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	94.802
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		94.802
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	9.480
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		104.282
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm linh bốn nghìn hai trăm tám mươi hai đồng chẵn . /		
Ghi chú (Remarks): TAT TOAN 50% CON LAI - HD SO 19026030205/CP-SGTX-CTY TRIEN LAM CP VIET NAM		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

✓ Signature Valid  
Được ký bởi: NGÂN HÀNG TMCP  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
Ngày ký: 17/03/2026



# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09169328

Mã TTV: 5058

Số CT: 28379

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	26.688
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		26.688
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.669
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		29.357
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi chín nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 60 -CTY VIET COLDCHAIN		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00642801

Mã TTV: 4

Số CT: 130

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	782.430
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		782.430
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	78.243
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		860.673
Số tiền bằng chữ (In words) Tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN16/03/2026+USD11,934.00+Fee:USD33.00+PAY 30PCT TT AS ADVANCE PAYMENT OF CONTRACT NO.3665 35 DATE FEB.24.2026,INVOICE NO.366535 DATE MAR.06.2026+F/O:SURE GOOD FOODS LTD ++SUTIE100,2333 NORTH SHERIDAN WAY, MISSISSAUGA,ONTARIO,L5K 1A7,CANADA		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

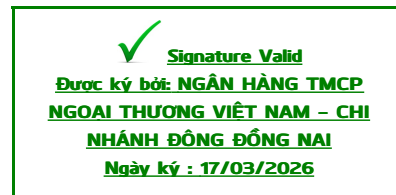
NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09211344

Mã TTV: 5058

Số CT: 43617

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	252.265
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		252.265
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	25.227
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		277.492
Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 345-346-348-351 NGAY (27.12 VA 29.1230.12.2025)		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

✓ **Signature Valid**  
Được ký bởi: **NGÂN HÀNG TMCP**  
**NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**  
Ngày ký: **18/03/2026**



# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09211492

Mã TTV: 5058

Số CT: 57198

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	246.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		246.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	24.600
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		270.600
Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm bảy mươi nghìn sáu trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN NOI BO		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09211529

Mã TTV: 5058

Số CT: 46648

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	188.161
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		188.161
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	18.816
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		206.977
Số tiền bằng chữ (In words) Hai trăm linh sáu nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 686 CTY THANG LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09211744

Mã TTV: 5058

Số CT: 46346

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	442.449
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		442.449
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	44.245
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		486.694
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 13432 CTY THIEN VUONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

✓ **Signature Valid**  
Được ký bởi: **NGÂN HÀNG TMCP**  
**NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**  
Ngày ký: 18/03/2026



# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09343549

Mã TTV: 5056

Số CT: 87685

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.1803260963191001.TT HD SO 926/2026/HDDVTV-ICHECK		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)



**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI**Mã số thuế (Tax Code): **0 1 0 0 1 1 2 4 3 7 - 1 4 5**

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 18 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): **00652877**

Mã TTV: 1001

Số CT: 101953

Tên khách hàng (Customer's name): **CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM**

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061838926 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	762.258
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		762.258
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		762.258
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi tám đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061838926		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 19 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09421614

Mã TTV: 5058

Số CT: 11759

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 75- CTY VAN PHONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 19 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ngày chuyển đổi: 4/4/2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 09422856

Mã TTV: 5058

Số CT: 11780

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI CHUYỂN ĐỔI (Converter)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

